

Số: 416/BC-UBND

Đắk Nông, ngày 18 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO
Về kết quả triển khai chuyển đổi số trong 06
tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Triển khai thực hiện Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022, UBND tỉnh Đắk Nông báo kết quả triển khai chuyển đổi số trong 06 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. Một số kết quả đạt được

1. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Có 02/03¹ cơ quan báo, đài của tỉnh đã có chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số, gồm Cổng thông tin điện tử tỉnh và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Từ đầu năm 2022, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã mở chuyên mục Cuộc sống số với tần suất 1 số/tháng; Cổng Thông tin điện tử tỉnh kịp thời thông tin về kết quả, chính sách của Đảng, Nhà nước về công cuộc Chuyển đổi số của tỉnh cũng như toàn quốc. Ngoài ra, Báo Đắk Nông cũng đã có nhiều bài viết được đăng tải trên Báo Đắk Nông điện tử có nội dung liên quan đến Chuyển đổi số.

- Có 24/27 đơn vị (19 sở, ban, ngành; 05 huyện, thành phố) đã có chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử. 03² huyện, thành phố đơn vị chưa có chuyên mục về chuyển đổi số.

- Lập và tuyên truyền trên mạng xã hội thông qua Cổng Thông tin Chuyển đổi số zalo của tỉnh, fanpage facebook Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành hướng dẫn triển khai Chuyển đổi số năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

¹ Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Đài PTTH tỉnh

² UBND thành phố Gia Nghĩa, UBND các huyện; Tuy Đức, Krông Nông.

2. Về cơ chế, chính sách

Tỉnh Đắk Nông đã kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số (sau đây viết tắt là BCD) theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh, trong đó, Trưởng BCD là Chủ tịch UBND tỉnh, 04 phó trưởng BCD là các phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và 38 lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022.

- Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông.

- Tỉnh cũng đã có quy định ngày 01/11 hàng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn.

Tại các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Cấp tỉnh: Có 19/19 sở, ban, ngành ban hành kế hoạch thực hiện trong năm 2022, trong đó: có 13/19 đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin; 09/19³ đơn vị ban hành kế hoạch riêng về chuyển đổi số; 16/19⁴ sở, ban, ngành đã thành lập Ban/Tổ chỉ đạo chuyển đổi số. Một số ngành đã có kế hoạch chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực mình gồm: ngành giáo dục và đào tạo, ngành công thương⁵.

Cấp huyện: Có 08/08 huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch thực hiện trong năm 2022, trong đó: có 02/08 địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin; 06/08⁶ địa phương ban hành kế hoạch riêng về chuyển đổi số. Có 08/08 địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số (*Chi tiết theo Phụ lục I*).

³ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Ban quản lý các KCN tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng.

⁴ Sở ĐĐT BXH, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Sở Công thương, Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở Xây dựng, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở TTTT&TT, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban quản lý các KCN tỉnh, Sở Tài chính.

⁵ Kế hoạch số 58/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch số 23/KH-SCT ngày 05/7/2022 của Sở Công Thương

⁶ UBND các huyện: Đắk Song, Đắk G'long, K'rông Nô, Đắk Mil, Tuy Đức và UBND thành phố Gia Nghĩa.

3. Nhân lực số

- Hiện 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có chuyên trách hoặc giao phụ trách công nghệ thông tin. Chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ chuyên ngành CNTT, cụ thể: đại học là 25/28, đạt tỷ lệ 89,29%; cao đẳng: 02/28, đạt tỷ lệ 7,14%; có trình độ khác: 01/28, chiếm 3,57%.

- Nhân lực tham mưu quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại Sở Thông tin và Truyền thông: Giám đốc Sở có trình độ Kỹ sư Tin học; Phòng công nghệ thông tin với 03/03 người có trình độ Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin; Đơn vị sự nghiệp quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng, các ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh là 01/5 người có trình độ Thạc sỹ chuyên ngành CNTT, 03/5 người có trình độ Đại học chuyên ngành CNTT; 01/5 người có trình độ Trung cấp CNTT. Nguồn nhân lực tham mưu quản lý nhà nước, triển khai Chuyển đổi số tại Sở Thông tin và Truyền thông còn thiếu và còn hạn chế về năng lực.

- Đã triển khai thành lập 182⁷ Tổ công nghệ số cộng đồng với 615 thành viên là cán bộ Ban tự quản và hội đoàn thể các thôn, tổ dân phố tại thành phố Gia Nghĩa và các huyện Đắk Mil, Tuy Đức, Krông Nô. Tổ công nghệ số cộng đồng với vai trò là cánh tay nối dài của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số để triển khai các nền tảng số đến với cộng đồng dân cư.

4. Chính quyền số

a) Hạ tầng kỹ thuật:

- 98% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) được trang bị máy vi tính để làm việc; 93% CBCCVC biết sử dụng máy tính trong công việc. 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương có kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao.

- 100% đơn vị khối Đảng, Chính quyền đã kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu ứng dụng, dịch vụ:

- Tỉnh đã xây dựng Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0. đã kết nối với Chính phủ, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, ... phục vụ phát triển Chính quyền số.

c) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (phiên bản 5.0):

- 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với 100% cơ quan Khối Chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã để gửi nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng và đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia của

⁷ Thành phố Gia Nghĩa: Phường Nghĩa Tân 6 tổ (18 thành viên), Phường Nghĩa Thành 7 tổ (21 thành viên); huyện Đắk Mil: 100% các xã thành lập với 125 tổ (375 thành viên); huyện Tuy Đức: xã Đắk R'tik 11 tổ (75 thành viên); huyện Krông Nô: Xã Buôn Choah 05 tổ, Năm Nung 6 tổ, TT Đắk Mâm 9 tổ, Đức Xuyên 7 tổ, Tân Thành 6 tổ (126 thành viên).

Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Ngành. Hệ thống đã liên thông với một số đơn vị ngành dọc như: Bảo hiểm xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Cục thống kê. Tuy nhiên, còn chưa liên thông với các ngành: Công an, Quân sự, Biên phòng, Tòa án, Kiểm sát, Thi hành án.

d) Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh, cung cấp 516 dịch vụ công mức độ 3 và 272 dịch vụ công mức độ 4. Đã thực hiện kết nối thành công 437 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ mức độ 3 là 36%, mức độ 4 là 23%. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 là 2,01%, mức độ 4 là 88,9 %. 02 đơn vị có tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến cao nhất gồm: Bảo hiểm xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (*Chi tiết theo Phụ lục II*).

Hiện nay, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã triển khai niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR-code.

đ) Công tác đảm bảo an toàn thông tin:

- An toàn, an ninh mạng: đã triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT cho 08/27 Sở, ngành, UBND cấp huyện (đạt tỷ lệ 29,6%) và Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh (gồm: Sở Khoa học và công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp và Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Triển khai Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC), hệ thống giám sát mã độc tập trung kết nối với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

5. Về kinh tế số

- Tỉnh đã có Kế hoạch phát triển doanh nghiệp số cũng đã được ban hành, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số cũng đã được triển khai. Hiện, có 04 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động đóng chân trên địa bàn tỉnh nhưng $\frac{3}{4}$ là Chi nhánh của các tập đoàn, tổng công ty như VNPT, Viettel, Mobifone.

- Tỉnh Đắk Nông đã thực hiện hỗ trợ đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, đặc biệt là các hàng nông sản đạt tiêu chuẩn OCOP, VIETGAP, ... lên sàn 02 thương mại vosov.vn và postmart.vn. Đến nay, đã hỗ trợ lên sàn thương mại điện tử cho 630 sản phẩm trong đó có 47/52 sản phẩm OCOP và 583 sản phẩm nông nghiệp khác; Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được số hóa thông tin là 111.390 hộ, đạt 92,8% (Số liệu của Cục Thống kê trên địa bàn tỉnh khoảng 120.000 hộ SXNN).

- Có khoảng 25% dân số tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo, ...

- Đối với việc triển khai các quy định về sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ phát triển chuyên đổi số: đã tổ chức tuyên truyền Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28/6/2016 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Tài chính về việc hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025. Hàng năm, tiến hành khảo sát tình hình hoạt động của một số doanh nghiệp và tuyên truyền, phổ biến kiến thức về các chính sách pháp luật về hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, hướng dẫn hình thành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nội dung liên quan về quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn các huyện, thành phố Gia Nghĩa. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tiềm lực tài chính hạn chế, các doanh nghiệp đăng ký sản xuất kinh doanh chủ yếu liên quan đến hoạt động mua bán nông sản, các dịch vụ nông nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp chưa quan tâm về việc hình thành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

6. Về xã hội số

a) Triển khai hạ tầng số (do Cục Viễn thông – Bộ TT&TT theo dõi)

- 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh được kết nối cáp quang đến trung tâm;
- Phủ sóng 4G đến 97% thôn, buôn, bon;
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định (BRCD): đạt 50,65%;
- Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính: 23,17%;
- Tỷ lệ người dân sử dụng Internet: 73,08%;
- Tỷ lệ thuê bao điện thoại thông minh: 88,74%;
- Tỷ lệ người sử dụng FP/dân số: 9,37%
- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động (ĐTDD) sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/100 dân: 106,6%
- 100% cơ sở giáo dục đã kết nối Internet băng thông rộng;
- Thuê bao BRCD/100 dân: đạt tỷ lệ 13,89 %;
- Thuê bao BRDD/100 dân: đạt tỷ lệ 75,12 %

b) Triển khai các nền tảng công nghệ trong công tác phòng, chống dịch Covid-19

- Đối với Nền tảng tiêm chủng Vắc xin Covid-19 và ký duyệt dữ liệu tiêm chủng phục vụ việc cấp hộ chiếu vắc xin trên PC-Covid và Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): Toàn tỉnh có 79/79 (8 Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, 71 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn) được cấp chứng thư số phục vụ việc ký xác nhận dữ liệu tiêm chủng để cấp “Hộ chiếu vắc xin” cho người dân theo quy định. Đến nay các cơ sở tiêm chủng COVID -19 tích cực triển khai và đã ký xác nhận dữ liệu tiêm chủng Vắc xin Covid-19 cho **981.719** mũi tiêm đã tiêm và **378.253** đối tượng.

- Đối với nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm, 09 đơn vị được cấp tài khoản (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, 08 Trung tâm y tế các huyện, thành phố), trong 06 tháng đầu năm 2022 đã thực hiện và công bố 258 đợt lấy mẫu với 3.589 mẫu xét nghiệm (PCR: 2.952 mẫu, test nhanh: 637 mẫu).

- Đối với Nền tảng quản lý bệnh nhân F0 thể nhẹ tại nhà trên Sổ sức khỏe điện tử: Đã tổ chức tập huấn và tiến hành hỗ trợ trực tiếp cho 07/8 Trung tâm y tế các huyện, thành phố và 62/71 trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Có 07/8 Trung tâm y tế các huyện, thành phố nhập và quản lý 8.968 đối tượng F0 thể nhẹ, không triệu chứng điều trị tại nhà.

c) Hồ sơ sức khỏe điện tử

-Tạo lập và cập nhật dữ liệu của người dân trên địa bàn tỉnh lên Hồ sơ sức khỏe điện tử theo đúng yêu cầu của Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế, hình thành cơ sở dữ liệu về sức khỏe người dân tại Sở Y tế và Trung tâm dữ liệu Y tế Quốc gia. Trong đó, khởi tạo dữ liệu ban đầu cho **661.295** nhân khẩu, **155.393** hộ gia đình, có 80/80 cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện kết nối liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh từ phần mềm khám chữa bệnh với hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử với **661.278** hồ sơ. Việc sử dụng dữ liệu dân cư đang chờ hướng dẫn của Bộ Y tế về kết nối, chia sẻ dữ liệu⁸.

d) Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM)

- Hiện nay các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đều ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, trí tuệ nhân tạo để phân tích hành vi, nhu cầu khách hàng giúp tối ưu hóa, cá nhân hóa việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Một số dịch vụ ngân hàng (thanh toán, nhận tiền tiết kiệm) gần như được số hóa 100%, cho phép khách hàng thực hiện tất cả các khâu trong quy trình sử dụng dịch vụ thanh toán (từ mở tài khoản, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, nộp rút tiền tiết kiệm,...), các ngân hàng hiện nay đã xây dựng kho dữ liệu, tạo hệ sinh thái số trải rộng nhiều ngành, lĩnh vực như: hệ sinh thái mobile banking kết nối với dịch vụ công, tài chính, viễn thông, điện lực, giao thông, y tế... Nhờ đó, trên ứng dụng di động của ngân hàng, khách hàng có thể sử dụng được nhiều tiện ích hơn so với giao dịch trực tiếp tại ngân hàng.

- Hoạt động TTKDTM đối với dịch vụ công thời gian qua đã có những chuyển biến mạnh mẽ, được cải thiện đáng kể cả về quy mô, chất lượng thanh

⁸ Số liệu được tính đến ngày 30/5/2022 trên lấy từ Hệ thống quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử của Bộ Y tế

toán: 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký nộp thuế điện tử; 78% trên tổng số thu ngân sách được hạch toán tại Kho bạc nhà nước qua phương thức điện tử; doanh thu tiền điện của Công ty điện lực Đắk Nông thanh toán qua phương thức điện tử lên tới 65%; khoảng trên 40% số người hưởng và số tiền lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trong tỉnh chi trả qua tài khoản cá nhân.

- Đồng thời, tỉnh đã triển khai các nền tảng thanh toán số (mobile money) tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Điểm nạp rút	Số cửa hàng số (Điểm chấp nhận thanh toán)	Số tài khoản thanh toán số
1	Gia Nghĩa	103	201	13.425
2	Đắk Mil	133	124	7.895
3	Cư Jut	138	78	6.740
4	Krông Nô	135	99	5.508
5	Đắk Song	145	150	8.233
6	Đắk R'lấp	140	155	6.918
7	Tuy Đức	104	31	5.074
8	Đắk G'long	147	37	6.066
Tổng cộng:		1.045	875	59.859

- Đối với ngành y tế: đã xây dựng Kế hoạch số 01/KH-SYT ngày 02/01/2020 về việc triển khai thực hiện đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng không dùng tiền mặt trong ngành Y tế tỉnh Đắk Nông, thực hiện và tiếp tục quán triệt đến các đơn vị trực thuộc thực hiện việc thanh toán điện tử qua ngân hàng không dùng tiền mặt.

Theo đó, có 02/9 cơ sở khám chữa bệnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đắk G'Long) đã xây dựng các quy trình và tổ chức tuyên truyền về lợi ích của phương thức thanh toán này tới người bệnh và người nhà người bệnh; bố trí, sắp xếp bộ phận tiếp đón, hướng dẫn và hỗ trợ người dân thực hiện; thiết kế, lắp đặt hệ thống bảng, biển thông báo hướng dẫn quy trình thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Cụ thể: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện Đắk G'Long phối hợp với ngân hàng đặt 02 máy giao dịch tự động (ATM). Đồng thời triển khai lắp đặt máy POS quét thẻ tại quầy thu viện phí. Triển khai thanh toán chi phí khám chữa bệnh và các dịch vụ có liên quan khi khách hàng có sử dụng các ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

đ) Hóa đơn điện tử (HĐĐT):

Tính đến ngày 15/6/2022, tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh đã chuyển đổi sử dụng HĐĐT (theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính) trên tổng số đơn vị sử dụng hóa đơn trên địa bàn tỉnh đạt 99,5% (2.759/2.773), trong đó: có 2.060/2.074 doanh nghiệp đã chuyển đổi sử dụng HĐĐT đạt 99,32% (14 doanh nghiệp chưa triển khai đã được Tổng Cục thuế gia hạn), có 225/225 tổ chức đã chuyển đổi sử dụng HĐĐT đạt 100% và có 474/474 hộ kinh doanh đã chuyển đổi sử dụng HĐĐT đạt 100%.

Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh, tính đến ngày 29/6/2022, 100% doanh nghiệp, tổ chức và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã chuyển đổi sang sử dụng HĐĐT, Đắk Nông là một trong những địa phương về đích sớm nhất theo mục tiêu của Tổng Cục thuế.

7. Về triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

Theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia, tỉnh Đắk Nông được giao triển khai 01 nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trong tháng 09/2022 là triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các ngành, địa phương triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông với các nội dung:

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, ... thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp (tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh: cà phê, hồ tiêu, điều, mắc ca, bơ, ...

- Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu lớn của ngành như: quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng (trong đó ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu cho các ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh như: cà phê, hồ tiêu, bơ, sầu riêng, điều và rau củ quả), vật nuôi, thủy sản, sản phẩm ocop, vùng trồng, cơ sở chế biến, thị trường nông sản, ... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

8. Triển khai Công thông tin dữ liệu đất đai

Hiện nay, đã triển khai công tác đo đạc, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó các huyện: Đắk R'lấp; Tuy Đức; Đắk G'long, Đắk Song và Đắk Mil đã hoàn thành công tác đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại tỉnh mới hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Đắk R'lấp (huyện điểm), các huyện còn lại đang tiếp tục thực hiện công

tác xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Ngoài ra, các huyện: Cư Jut; K'ông Nô và thành phố Gia Nghĩa đã thực hiện xong công tác đo đạc và đang tiến hành triển khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. Kết quả thí điểm chuyển đổi số tại Thành phố Gia Nghĩa, huyện Đắk Mil

Sở Thông tin và Truyền thông đã ký kết chương trình phối hợp triển khai chuyển đổi số với 02 địa phương thực hiện thí điểm là UBND thành phố Gia Nghĩa và UBND huyện Đắk Mil. Bước đầu đã khảo sát, đánh giá hiện trạng chuyển đổi số tại 02 địa phương này và huy động các doanh nghiệp như: VNPT Đắk Nông, Viettel Đắk Nông, Bưu điện tỉnh Đắk Nông, Công ty Misa tại Buôn Ma Thuột tham gia hỗ trợ chuyển đổi số.

Theo đó, UBND thành phố Gia Nghĩa, UBND huyện Đắk Mil đã thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, bon, tổ dân phố nhằm tuyên truyền, hướng dẫn người dân khai thác, sử dụng các nền tảng số phục vụ nhu cầu cuộc sống. Đồng thời, UBND huyện Đắk Mil đã thực hiện niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR code tại Bộ phận một cửa của UBND huyện và 100% UBND cấp xã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính cũng như dịch vụ công trực tuyến.

10. Đánh giá chung về các nhiệm vụ triển khai trong năm 2022

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ như: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, huyện Đắk Mil, Ngân hàng nhà nước tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế. Tuy nhiên, hầu hết các nhiệm vụ chuyển đổi số chỉ mới được hoạch định theo các chương trình, kế hoạch, chưa được có biện pháp tổ chức thực hiện quyết liệt, còn chưa đạt kết quả nhất định.

- Đơn vị, địa phương triển khai tốt: UBND huyện Đắk Mil.

- Các địa phương còn chưa chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ gồm: huyện Đắk Song, Tuy Đức, Cư Jut.

- Một số nhiệm vụ chuyển đổi số được giao hoàn thành trong năm 2022 còn chậm triển khai như: Triển khai phòng họp không giấy, ghi biên bản bằng giọng nói; triển khai xây dựng dữ liệu số và thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.

II. Khó khăn, vướng mắc

1. Cơ sở hạ tầng về CNTT nói chung và hạ tầng công nghệ số trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế như: tỷ lệ máy tính/cán bộ, viên chức cấp xã cần thiết có máy tính làm việc, thiết bị tại bộ phận một cửa, thiết bị mạng, bảo mật trong cơ quan nhà nước, các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh còn thiếu thốn và đa số được mua sắm trước năm 2015 nên đến nay đã xuống cấp hoặc hư hỏng.

2. Tỷ lệ hồ sơ phát sinh và xử lý dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn thấp.

3. Chức năng của hệ thống quản lý và điều hành văn bản còn chưa đầy đủ, gây khó khăn cho việc thống kê chính xác, đầy đủ tỷ lệ gửi văn bản điện tử tại các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh. Tỷ lệ văn bản điện tử tại cấp huyện, cấp xã còn thấp (nhất là ở một số huyện như: Đắk Song, Tuy Đức, Cư Jut, Đắk G'long).

4. Nhiệm vụ chuyển đổi số đối với tỉnh Đắk Nông được cụ thể hóa từ Nghị quyết số 09-NQ/TU là 96 nhiệm vụ, với khái toán tổng kinh phí thực hiện khoảng 2.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, Đắk Nông là một tỉnh còn nhiều khó khăn. Dù theo Nghị quyết số 09-NQ/TU tỷ lệ chi tối thiểu là 1% ngân sách hàng năm cho Chuyển đổi số nhưng tỉnh vẫn chưa thể cân đối được nguồn. Đồng thời, dù có đảm bảo chỉ 1% ngân sách năm nhưng vẫn chưa đáp ứng được những nhiệm vụ, mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh.

5. Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, còn nhiều khó khăn. Có nơi chưa có điện, khoảng 40% hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có điện thoại thông minh, khoảng 85% hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có internet cố định, khoảng 40% hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có internet di động.

6. Đối với việc triển khai Cổng thông tin dữ liệu đất đai: nguồn kinh phí thực hiện dự án do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương (bố trí tối thiểu 10% số thu từ tiền sử dụng đất). Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay ngân sách Trung ương không hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để thực hiện dự án tổng thể.

7. Đối với nhiệm vụ triển khai Nền tảng dữ liệu số trên địa bàn tỉnh: hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản (*Nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện, hoàn thành trong tháng 3/2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022*) nên Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành Kế hoạch triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Xem xét triển khai hỗ trợ điện thoại thông minh đối với hộ nghèo, cận nghèo từ nguồn Quỹ viễn thông công ích để đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 điện thoại thông minh;

- Hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục để Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh lựa chọn, triển khai các nền tảng số đảm bảo đúng quy định pháp luật, nhất là không trái với Luật Đấu thầu;

2. Đối với các Bộ, ngành khác

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét bố trí hoặc kiến nghị Chính phủ hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Đắk Nông để thực hiện dự án tổng thể triển khai Cổng thông tin dữ liệu đất đai.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: sớm phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia để tỉnh Đắk Nông có cơ sở triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV. Các nhiệm vụ trọng tâm trong 06 tháng cuối năm

1. Đối với các Sở, Ngành, UBND các huyện, thành phố:

Khẩn trương triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2022 tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Giao các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 231/QĐ-UBND, Quyết định số 570/QĐ-UBND đảm bảo đúng tiến độ, trong đó ưu tiên thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin để thực hiện. Đồng thời, báo cáo, phản ánh những vướng mắc về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực BCD) để kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn.

- Yêu cầu các Sở, ngành, UBND cấp huyện chưa có công chức có trình độ từ đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin trở lên tham mưu chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị có kế hoạch tuyển dụng trong đợt thi tuyển công chức, đảm bảo nhân lực tham mưu chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí tối thiểu 1% ngân sách sự nghiệp hàng năm, bảo đảm giao nhiệm vụ, dự toán có trọng tâm, trọng điểm để các Sở, Ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số.

- Giao Văn phòng UBND tỉnh:

+ Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc, đẩy mạnh tỷ lệ phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó, chú trọng giao chỉ tiêu hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến đến tận cấp xã, phường. Có chính sách khuyến khích sử dụng DVCTT như giảm thời gian xử lý, giảm lệ phí xử lý, dừng tiếp nhận hồ sơ giấy đối với một số loại hình DVCTT phù hợp.

+ Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến thì người dân, doanh nghiệp không cần phải nộp lại các bản sao khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Giao Sở Y tế:

+ Tiếp tục tạo lập và cập nhập dữ liệu của người dân trên địa bàn tỉnh lên Hồ sơ sức khỏe điện tử theo đúng yêu cầu tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày

11/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Triển khai hiệu quả các nền tảng trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và thanh toán không dùng tiền mặt đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

2. Giao UBND các huyện, thành phố:

- Đối với các địa phương Thí điểm chuyển đổi số như Gia Nghĩa, Đắk Mil sớm triển khai thành lập, bồi dưỡng, tập huấn các Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số Việt Nam. Thực hiện sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trước tháng 08/2022 để trên cơ sở đó triển khai nhân rộng một cách hiệu quả.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thành lập và phát huy hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng (Lực lượng nòng cốt như: Ban tự quản, đoàn thanh niên, hội nông dân, hội phụ nữ, ở thôn, buôn, bon..).

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số trong 06 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ chuyển đổi số tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, TTPVHCC, TH (Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Văn Chiến

PHỤ LỤC I
THEO DÕI BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch UDCNTT, CQS, CDS		Thành lập BCĐ	Ghi chú
		Ban hành trước Quyết định số 570/QĐ-UBND	Ban hành sau Quyết định số 570/QĐ-UBND		
1	Sở Tư Pháp	Kế hoạch số 70/KH-STP ngày 27/12/2021			
2	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Kế hoạch số 743/KH-SLĐTBXH ngày 07/04/2022	Kế hoạch số 760/KH-SLĐTBXH ngày 12/04/2022	Quyết định số 998/QĐ-LĐTBXH ngày 8/4/2022	
3	Ban Dân Tộc	Kế hoạch 269/KH-BDT ngày 24/3/2022		Quyết định số 381/QĐ-BDT ngày 29/4/2022	
4	Thanh tra tỉnh	Kế hoạch số 152/KH-TTr ngày 16/02/2022	Kế hoạch số 341/KH-TTr ngày 04/04/2022	Quyết định số 32/QĐ-TTr ngày 07/3/2022	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 1184/KH-SKH-CN ngày 31/12/2021	Kế hoạch số 300/KH-SKH-CN ngày 06/4/2022	Quyết định số 16/QĐ-SKH-CN ngày 25/02/2022	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch số 356/KH-SKH ngày 01/3/2022		Quyết định số 46/QĐ-SKH ngày 12/5/2022	

7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kế hoạch số 43/KH- SVHTTDL ngày 11/10/2021	Kế hoạch số 34/KH- SVHTTDL ngày 06/5/2022	Quyết định số 106/QĐ-SVHTTDL ngày 13/5/2022	
8	Văn phòng UBND tỉnh		Kế hoạch số 321/KH- VPUBND ngày 31/3/2022	Quyết định số 50/QĐ- VPUBND ngày 26/5/2022	
9	Sở Nội Vụ	Kế hoạch số 49/KH-SNV ngày 14/10/2021	Kế hoạch số 32/KH-SNV ngày 20/5/2022	Quyết định số 186/QĐ-SNV ngày 23/5/2022	
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch số 61/KH- STNMT ngày 31/12/2021			
11	Sở Công Thương	49/KH-SCT ngày 13/12/2021		Quyết định số 25/QĐ- SCT ngày 13/4/2022	
12	Sở Tài chính	2544/KH-STC ngày 23/12/2021	904/KH-STC ngày 30/5/2022	Quyết định số 127/QĐ-STC ngày 07/7/2022	
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63/KH-SNNPTNT ngày 31/12/2021		Quyết định số 178/QĐ-SNN ngày 06/5/2022	
14	Sở Y tế		65/KH-SYT ngày 07/4/2022	Quyết định số 225/KH-SYT ngày 22/4/2022	

15	Sở Thông tin và truyền thông	Kế hoạch số 16/KH-STTTT ngày 14/02/2022	Kế hoạch số 37/KH-STTTT ngày 04/5/2022		
16	Sở Giao thông vận tải	Kế hoạch số 09/KH-SGTVT ngày 24/02/2021		Quyết định số 393/QĐ-SGTVT ngày 21/6/2022	
17	Sở Xây dựng	Kế hoạch số 2631/KH-SXD ngày 28/12/2021	Kế hoạch số 918/KH-SXD ngày 27/5/2022	Quyết định số 61/QĐ-SXD ngày 17/5/2022	
18	Ban Quản lý các KCN tỉnh	Kế hoạch số 118/KH-BQLKCN ngày 10/02/2022	Kế hoạch số 33/KH-BQLKCN ngày 08/04/2022	Quyết định số 154/KH-BQLKCN ngày 11/7/2022	
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch số 18/KH-SGDĐT ngày 09/02/2022		Quyết định số 664/QĐ-SGDĐT ngày 31/5/2022	
20	UBND Thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch số 360/KH-UBND ngày 17/3/2022	Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 13/5/2022	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 14/3/2022;	Kế hoạch số 45-KH/ThU ngày 20/01/2022 của Thành ủy Gia Nghĩa
21	UBND huyện Đắk Song	Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 12/04/2022	Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 28/02/2022	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 01/04/2022	Kế hoạch số 70-KH/HU ngày 20/01/2022 của BTV Huyện ủy Đắk Song
22	UBND huyện Krông Nô	Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 31/12/2021	Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 07/5/2021	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	Kế hoạch số 60-KH/HU ngày 07/01/2022 của Huyện ủy Krông Nô



23	UBND huyện Đăk G'Long	Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 24/01/2022	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 15/3/2022	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 20/4/2022	Kế hoạch số 57-KH/HU ngày 29/12/2021 của Huyện ủy Đăk G'long
24	UBND huyện Đăk R'Lấp	Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 08/3/2022		Quyết định 1434/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	Chương trình hành động số 17-CTr/HU ngày 23/12/2021
25	UBND huyện Đăk Mil		Kế hoạch số 71/KH-UBND, ngày 22/3/2022	Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 9/3/2022	
26	UBND huyện Cư Jut	Kế hoạch số 484/KH-UBND ngày 23/3/2022		Quyết định 1512/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	
27	UBND huyện Tuy Đức	Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 15/3/2022	Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 21/4/2022	Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	Chương trình số hành động 16-CTr/HU ngày 04/3/2022 của Huyện ủy Tuy Đức
28	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh		Kế hoạch số 274/KH-ĐNO ngày 13/5/2022		



PHỤ LỤC II
THÔNG KÊ TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ TTHC MỨC ĐỘ 3, 4
(Số liệu thống kê đến ngày 20/5/2022)

STT	Tên cơ quan	Tổng số DVCTT		Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ		Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ		Tổng số hồ sơ tiếp nhận (bao gồm trực tuyến và không trực tuyến)		Số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến		Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến	
		Mức 3	Mức 4	Mức 3	Mức 4			Mức 3	Mức 4	Mức 3	Mức 4	Mức 3	Mức 4
1	Sở Công Thương	79	49	-	13	0%	27%	-	6,102	-	5,880	0.00%	96.36%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	38	-	4	-	11%	0%	18	-	13	-	72.22%	0.00%
3	Sở Tư pháp	3	-	2	-	67%	0%	1,454	-	36	-	2.48%	0.00%
4	Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	-	30	-	9	0%	30%	-	12	-	-	0.00%	0.00%
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	25	-	5	0%	20%	-	139	-	116	0.00%	83.45%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	24	15	3	2	13%	13%	5	3	-	-	0.00%	0.00%
7	Sở Tài chính	3	28	-	1	0%	4%	24	23	-	23	0.00%	100.00%
8	Sở Xây dựng	1	29	-	-	0%	0%	109	17	-	17	0.00%	100.00%

9	Sở Giao thông Vận tải	12	2	8	2	67%	100%	806	2	786	-	97.52%	0.00%
10	Sở Nội vụ	47	4	14	-	30%	0%	169	-	-	-	0.00%	0.00%
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	10	-	10	0%	100%	-	1,918	-	1,909	0.00%	99.53%
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	37	-	12	-	32%	0%	84	-	-	-	0.00%	0.00%
13	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	12	1	-	1	0%	100%	-	28	-	18	0.00%	64.29%
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	54	8	-	2	0%	25%	-	109	-	84	0.00%	77.06%
15	Sở Y tế	95	17	1	5	1%	29%	15	176	-	44	0.00%	25.00%
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	9	4	8	100%	89%	60	780	22	287	36.67%	36.79%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	-	25	-	12	0%	48%	-	7,918	-	7,918	0.00%	100.00%
18	UBND huyện Đắk Glong	106	20	50	2	47%	10%	3500	1	0	0	0.00%	0.00%
19	UBND huyện Đắk Rlấp	106	20	64	15	60%	75%	9626	613	80	28	0.83%	0.00%
20	UBND huyện Đắk Mil	106	20	84	0	79%	0%	15865	0	2	0	0.01%	0.00%

21	UBND huyện Đăk Song	106	20	20	3	19%	15%	5232	482	0	0	0.00%	0.00%
22	UBND huyện Krông Nô	106	20	45	0	42%	0%	4179	0	8	0	0.00%	0.00%
23	UBND huyện Tuy Đức	106	20	52	1	49%	5%	1733	6	0	0	0.00%	0.00%
24	UBND huyện Cư Júit	106	20	49	4	46%	20%	3771	25	0	0	0.00%	0.00%
25	UBND Thành phố Gia Nghĩa	106	20	42	0	40%	0%	575	0	0	0	0.00%	0.00%
Cộng		1,258	412	454	95	36%	23%	47,225	18,354	947	16,324	2.01%	88.94%

Ghi chú: Số dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 tại cấp huyện giống nhau, số liệu tổng dịch vụ công chỉ tính cộng 01 đơn vị.